



DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1
LIST OF ACCREDITED CALIBRATION, FIRST EXPANSION

**(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Đo lường và Hiệu chuẩn
<i>Laboratory:</i>	<i>Measurement and Calibration department</i>
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty SGS Việt Nam TNHH
<i>Organization:</i>	<i>SGS Vietnam Ltd</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 237
Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Đo lường - Hiệu chuẩn
<i>Field:</i>	<i>Calibration - Measurement</i>
Người quản lý:	Lê Đức Thọ
<i>Laboratory manager:</i>	<i>Le Duc Tho</i>
Hiệu lực công nhận <i>Period of Validation:</i>	từ ngày / 07 /2025 đến ngày 23/02/2027
Địa chỉ: <i>Address:</i>	198 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>198 Nguyen Thi Minh Khai street, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh city, Vietnam</i>
Địa điểm: <i>Location:</i>	Lô III/21, đường 19/5A, nhóm CN III, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Lot III/21, Street 19/5A, Industrial group III, Tan Binh Industrial zone, Tay Thanh ward, Ho Chi Minh city, Vietnam</i>
Điện thoại/ Tel:	(+84) 28 3816 0999
Email:	tho.le@sgs.com
Website:	www.sgs.vn

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 1*LIST OF ACCREDITED CALIBRATION, FIRST EXPANSION***VILAS 237****Phòng Đo lường và Hiệu chuẩn/ *Measurement and Calibration department*****Lĩnh vực hiệu chuẩn: Dung tích***Field of calibration: Volume*

TT	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand/ equipment calibrated</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) ¹ / <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)¹</i>
1.	Bể dong cố định kiểu trụ đứng (x) <i>Vertical cylindrical tanks</i>	(100 000 ~ 200 000) m ³	API MPMS Chapter 2.2A:2019 API MPMS Chapter 2.2B:2019 API MPMS Chapter 2.2D:2020 ISO 7507-4:2010 (E)	0,3 %
2.	Bể chứa trên tàu và sà lan (x) <i>Ship & Barge tanks</i>	Đến/to: 50 000 m ³	API MPMS Chapter 2.7 (R2021) API MPMS Chapter 2.8A (R2023) ISO 8311:2013 OGCS-FLD-SOP-9065 (2024)	0,2 %

Chú thích/ Note:

- ISO: *International Organization for Standardization.*
- API: *American Petroleum Institute Standard.*
- MPMS: *Manual of Petroleum Measurement Standards.*
- OGCS-FLD-SOP...: *Phương pháp nội bộ/ Laboratory developed method.*
- (x): *Các phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường/ Calibration performed outside laboratory.*
- ⁽¹⁾ *Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ k=2 và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor k=2 and expressed with maximum 2 significance digits.*
- *Trường hợp Công ty SGS Việt Nam TNHH cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường thì Công ty SGS Việt Nam TNHH phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for SGS Vietnam Ltd that provides calibration services for measuring instruments and standards must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

